

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

2. Ông Bùi Hoàng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2001 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn B, sinh năm 2001 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1977 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1967 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã X, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng ngày 10/10/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Chị và bị đơn Nguyễn B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/12/2022. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên, hay cãi nhau. Nguyên nhân là anh B không chí thú làm ăn, không tôn trọng cha mẹ vợ và từ khi kết hôn đến nay vợ chồng không sống chung với nhau. Tình cảm vợ chồng hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc G, sinh ngày 28/11/2022 hiện đang sống chung với chị. Sau ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh Nguyễn B không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56, 81, 82, 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy An Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn B.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc G, sinh ngày 28/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và anh B nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn G B, có địa chỉ ấp Hồi Trinh, xã Xuân Hiệp, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Nguyễn B kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 82 ngày 15/12/2022 và chị L và anh B kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị L cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng không có sống chung với nhau, vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là anh B không chí thú làm ăn, không tôn trọng cha mẹ vợ. Hiện tại vợ chồng không sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh B. Xét lời trình bày của chị L phù hợp với lời trình bày của cha ruột anh B và mẹ ruột của chị L. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Phúc G, sinh ngày 28/11/2022, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi là có căn cứ. Bởi, hiện tại con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện tại chị L nuôi cuộc sống cũng đảm bảo. Anh B cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con nên tiếp tục giao con chung Nguyễn Phúc G cho chị L tiếp tục nuôi, anh B có quyền, nghĩa vụ tham nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.800.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mức cấp dưỡng phải đảm bảo nhu cấp thiết yếu của người con. Tuy nhiên, chị L không cung cấp được thu nhập thực tế ổn định của anh B hàng tháng là bao nhiêu nên chỉ chấp nhận ở mức $\frac{1}{2}$ lương tối thiểu vùng tại địa phương tại thời điểm xét xử là $3.250.000\text{đồng}/2 = 1.625.000\text{đồng}/\text{tháng}$ đến khi con chung đủ 18 tuổi và phù hợp Điều 82, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị L phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và anh B phải nộp 300.000đồng theo quy định điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận 01 phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Phúc G, sinh ngày 28/11/2022 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi tháng 1.625.000đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng từ ngày 22/3/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (A trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000222 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Nguyễn B nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện R;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy An nhân dân xã U;
- (Giấy kết hôn số: 82, ngày 15/12/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong